

Số: 90/2023/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 09 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông D, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: Đường Q, phường ĐHT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và bà T, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Đường Q, phường ĐHT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: “V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông D và bà T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1993 (Chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh, huyện Giá Rai, tỉnh Minh Hải (nay là thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05/4/1993). Nay, ông D – bà T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Ông D và bà T có với nhau 02 (hai) người con T, sinh ngày 16/02/1994 (thành niên); Nguyễn Thái Tuấn, sinh ngày 14/9/2002 (thành niên).

Ông D và bà T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản.

Ông D và bà T thỏa thuận: Ông D tự nguyện chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà T thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh, huyện Giá Rai, tỉnh Minh Hải (nay là thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05/4/1993) không còn giá trị.

- Về con chung: Có 02 (hai) người con T, sinh ngày 16/02/1994 (thành niên); Nguyễn Thái Tuấn, sinh ngày 14/9/2002 (thành niên).

- Về tài sản chung: Ông D và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Ông D và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông D tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ông D được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0005210 ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 12;
- Chi Cục THADS Quận 12;
- UBND xã Phong Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Mỹ Kim

